

KINH NGHIỆM MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG THỂ CHẾ HOÁ CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG VĂN BẢN LUẬT

Nguyễn Lan Anh¹, Hà Công Hải
Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

Tóm tắt:

Thể chế hóa đầy đủ, rõ ràng các quy định pháp luật về tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) là cơ sở pháp lý để quản lý hiệu quả các tổ chức này. Bài viết tập trung phân tích vai trò của thể chế hóa các quy định về tổ chức KH, CN & ĐMST trong văn bản luật, làm rõ cách tiếp cận xây dựng pháp luật của một số quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, ... đối với tổ chức KH, CN & ĐMST; trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong quá trình hoàn thiện thể chế về KH, CN & ĐMST nói chung, tổ chức KH, CN & ĐMST nói riêng.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ; Đổi mới sáng tạo; Tổ chức; Thể chế hóa; Kinh nghiệm quốc tế.

Mã số: 25060501

INTERNATIONAL EXPERIENCES IN INSTITUTIONALIZING LEGAL PROVISIONS ON SCIENCE, TECHNOLOGY, AND INNOVATION ORGANIZATIONS IN NATIONAL LEGISLATION

Abstract:

The comprehensive and transparent institutionalization of legal regulations concerning the science, technology, and innovation (STI) organization serves as a legal foundation for the effective management of these entities. This article focuses on analyzing the role of institutionalizing legal regulations concerning the organization of science, technology, and innovation (STI) within statutory documents. It clarifies the legal approaches adopted by several countries-such as South Korea, Japan, and Russia-in regulating STI organizations. Based on these comparative insights, the article draws key lessons for Vietnam in the process of improving the legal framework for STI in general, and for STI organizations in particular.

Keywords: Science and technology; Innovation; Organizations; Institutionalization; International experiences.

1. Vai trò của thể chế hoá các quy định về tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong văn bản luật

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Pháp luật và pháp luật trong lĩnh vực KH, CN & ĐMST

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng mục tiêu

¹ Liên hệ tác giả: lananh38nq@gmail.com

nhất định. Pháp luật thể hiện ý chí của Nhà nước, có hiệu lực bắt buộc đối với mọi tổ chức, cá nhân, được đảm bảo thực thi bằng quyền lực Nhà nước.

Pháp luật trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động KH,CN&ĐMST, bảo đảm cho lĩnh vực này phát triển theo định hướng chiến lược, phù hợp với lợi ích quốc gia và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH). Đối tượng điều chỉnh là các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động, quản lý KH,CN&ĐMST. Phạm vi điều chỉnh gồm: các nguyên tắc trong hoạt động KH,CN&ĐMST, hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST), tổ chức KH&CN, nhân lực KH,CN&ĐMST, hạ tầng, đầu tư tài chính cho KH,CN&ĐMST, các chính sách phát triển KH,CN&ĐMST,... Hệ thống pháp luật này bao gồm luật và các văn bản hướng dẫn dưới luật như nghị định, thông tư hướng dẫn.

1.1.2. Tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Theo UNESCO, tổ chức KH&CN là một hệ thống tổ chức bao gồm các viện, các trung tâm có chức năng thực hiện nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm, nhằm đưa ra những kết luận khoa học trên các mức độ khác nhau: có thể là những kết luận thuần túy lý thuyết, song cũng có thể là những kết luận thực nghiệm hoặc những khuôn mẫu của một giải pháp tổ chức, quản lý, hoặc những giải pháp kỹ thuật, công nghệ.

Tại Việt Nam, Luật KH&CN năm 2013 quy định tổ chức KH&CN là tổ chức tham gia vào các hoạt động KH&CN, có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ KH&CN, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. Tổ chức KH&CN có các hình thức sau: (i) Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và hình thức khác; (ii) Cơ sở giáo dục đại học được tổ chức theo quy định của Luật giáo dục đại học; (iii) Tổ chức dịch vụ KH&CN được tổ chức dưới hình thức trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm và hình thức khác. Ở Việt Nam, trong các nghiên cứu và thống kê thường đề cập đến loại hình tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Ngoài tổ chức KH&CN, loại hình tổ chức ĐMST cũng thường được nhắc đến trên các diễn đàn học thuật hay trong xây dựng pháp luật. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có khái niệm pháp lý về loại hình tổ chức này. Về cơ bản, có thể hiểu tổ chức ĐMST là tổ chức thực hiện các hoạt động ĐMST được tổ chức dưới hình thức như: trung tâm ĐMST, tổ chức hỗ trợ ĐMST và khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp thực hiện ĐMST, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...

1.2. Sự cần thiết và các khía cạnh vai trò của thể chế hoá các quy định về tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Cụ thể hoá chủ trương, đường lối phát triển dài hạn của quốc gia

Pháp luật trở thành phương tiện thể chế hoá các chủ trương, đường lối, các định hướng, chiến lược phát triển của quốc gia, là cầu nối giữa tư duy chiến lược (đường lối) và hành động chính sách (triển khai thực tiễn). Chủ trương thường là các mục tiêu vĩ mô, nhưng quy định pháp luật mới có thể cụ thể hóa mục tiêu thành chỉ tiêu, cơ chế vận hành, trách nhiệm chủ thể, từ đó bảo đảm việc hiện thực hóa mục tiêu chiến lược một cách khả thi và đo lường được. Trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST, ở cấp độ quốc gia, các chiến lược phát triển về KH,CN&ĐMST thường mang tính định hướng, khái quát, nếu không được cụ thể hóa thông qua các công cụ pháp lý thì những định hướng này dễ rơi vào tình trạng thiếu khả năng thực thi.

Thiết lập công cụ quản lý của Nhà nước, tạo hành lang pháp lý để phát triển tổ chức KH,CN&ĐMST

Việc ban hành các quy định pháp luật là cơ sở để Nhà nước thiết lập trật tự quản lý thống nhất đối với hoạt động của các tổ chức KH,CN&ĐMST. Các quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức KH,CN&ĐMST tạo nên khung pháp lý minh bạch, rõ ràng và có tính bắt buộc, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và thúc đẩy phát triển lĩnh vực này.

Xác định rõ đối tượng và phạm vi của chính sách

Trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST, đặc điểm của các chủ thể không chỉ nằm ở tư cách pháp nhân hoặc thể nhân mà còn liên quan đến chức năng chuyên môn, năng lực nghiên cứu, cơ chế tổ chức và mục tiêu hướng tới. Tổ chức KH,CN&ĐMST có rất nhiều đặc điểm đặc thù, khác biệt với các tổ chức kinh tế hay tổ chức thông thường. Việc cụ thể hoá các quy định về tổ chức KH,CN&ĐMST như khái niệm, phân loại, cơ chế hoạt động của tổ chức KH,CN&ĐMST,... sẽ xác định rõ đối tượng và phạm vi điều chỉnh của chính sách KH,CN&ĐMST, cung cấp cơ sở lý luận vững chắc để xác định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và cơ chế hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm chủ thể này trong hoạt động KH,CN&ĐMST.

Cơ sở để thiết kế chính sách phù hợp với đặc thù tổ chức KH,CN&ĐMST

Việc quy định khái niệm, phân loại tổ chức KH,CN&ĐMST trong văn bản quy phạm pháp luật là điều kiện để thiết kế chính sách phân tầng, phù hợp với năng lực và đặc điểm của chủ thể. Việc phân biệt giữa viện nghiên cứu công lập, doanh nghiệp KH&CN, trung tâm nghiên cứu tư nhân, các nhóm nghiên cứu độc lập, hay cá nhân hoạt động nghiên cứu tự do có ý nghĩa then chốt trong việc thiết kế các gói chính sách khác nhau.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST

Việc xây dựng các quy định pháp lý về tổ chức KH,CN&ĐMST trong văn bản quy phạm pháp luật góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST. Từ góc độ quản trị công, việc thiếu các quy định rõ ràng về các chủ thể KH&CN gây khó khăn cho công tác thống kê nguồn lực và đánh giá hiệu quả đầu tư công.

Đảm bảo tính tương thích quốc tế, thúc đẩy hợp tác và so sánh quốc tế

Một khái niệm pháp lý được thừa nhận rộng rãi không chỉ phục vụ quản lý trong nước mà còn giúp tương thích với chuẩn mực quốc tế, tạo thuận lợi trong quan hệ hợp tác, so sánh quốc tế. Nếu luật pháp quốc gia định nghĩa tổ chức KH,CN&ĐMST tương đồng với các tiêu chí quốc tế, các dữ liệu, chính sách trong nước sẽ dễ dàng hòa nhập với bức tranh chung của thế giới, các tổ chức trong nước cũng dễ được công nhận và liên kết với mạng lưới nghiên cứu quốc tế.

Thúc đẩy phát triển tổ chức KH,CN&ĐMST

Để các tổ chức KH,CN&ĐMST thực sự phát huy vai trò trong thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST và đóng góp phát triển KT-XH, Nhà nước cần có những chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các tổ chức. Việc ban hành các chính sách phát triển phù hợp có vai trò quyết định đối với sự lớn mạnh của các tổ chức KH,CN&ĐMST và toàn bộ hệ thống KH,CN&ĐMST.

Tóm lại, các tổ chức KH,CN&ĐMST là chủ thể chính trong hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức mới, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, đồng thời với vai trò quan trọng của việc thể chế hoá các quy định liên quan đến tổ chức này trong văn bản luật như đã đề cập trên đây, nhiều nước đã rất quan tâm và đưa các quy định về tổ chức KH,CN&ĐMST vào các văn bản pháp lý có hiệu lực cao của quốc gia, đó là văn bản luật.

2. Kinh nghiệm một số quốc gia trong thể chế hoá các quy định về tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong văn bản luật

Việc thể chế hóa các quy định về tổ chức KH,CN&ĐMST trong văn bản luật được các quốc gia đặc biệt chú trọng với phạm vi điều chỉnh chủ yếu là: khái niệm, phân loại, quyền và nghĩa vụ, các chính sách hỗ trợ dành cho các tổ chức này. Cách tiếp cận của một số quốc gia tiêu biểu như sau:

2.1. Khái niệm và phân loại tổ chức khoa học và công nghệ

2.1.1. Tổ chức khoa học và công nghệ

Tại Nga, sau khi Liên Xô tan rã, đất nước chuyển dần sang nền kinh tế thị trường. Trong hệ thống tổ chức KH&CN, bên cạnh các tổ chức công lập, xuất hiện các tổ chức tư nhân và doanh nghiệp tham gia hoạt động KH&CN ngày càng gia tăng. Luật số 185-FZ (2013)² định nghĩa tổ chức KH&CN là tổ chức lấy hoạt động khoa học hoặc khoa học kỹ thuật làm chức năng chính, tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, từ tổ chức nhà nước đến tổ chức tư nhân.

Tại Hàn Quốc, Luật Đổi mới NC&PT quốc gia 2020 định nghĩa tổ chức KH&CN là các viện hoặc tổ chức thực hiện chương trình NC&PT cấp quốc gia. Luật này xác định tổ chức KH&CN gồm nhiều loại hình khác nhau: (i) viện nghiên cứu do Chính phủ/chính quyền địa phương trực tiếp thành lập và điều hành; (ii) trường đại học; (iii) viện nghiên cứu do Chính phủ tài trợ; (iv) viện nghiên cứu KH&CN do Chính

² Luật Liên bang số 185-FZ ngày 02/7/2013 về việc sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản pháp luật của Liên bang Nga liên quan đến việc ban hành Luật Liên bang “Về Giáo dục tại Liên bang Nga”.

phủ đầu tư; (v) viện nghiên cứu do chính quyền địa phương đầu tư; (vi) viện nghiên cứu đặc thù; (vii) doanh nghiệp theo Luật Thương mại; (viii) các thể chế và tổ chức khác theo quy định tại Nghị định của Tổng thống. Hàn Quốc muốn bao quát đầy đủ mọi chủ thể thực hiện NC&PT trong nền kinh tế. Việc đưa doanh nghiệp vào nhóm tổ chức KH&CN phản ánh thực tiễn các công ty lớn ở Hàn Quốc là động lực chính đổi mới công nghệ, Nhà nước khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp trong các chương trình NC&PT quốc gia. So với cách định nghĩa chung của Nga, Hàn Quốc chọn cách tiếp cận chi tiết nhằm tạo khung pháp lý minh bạch để phối hợp liên ngành và chia sẻ nguồn lực giữa các viện công lập với khu vực tư nhân.

Tại Nhật Bản, Luật Cơ bản về KH&CN năm 1995 không đưa ra định nghĩa hay phân loại cụ thể về tổ chức KH&CN. Thay vào đó, luật tập trung xác định những thành phần chủ chốt trong mạng lưới nghiên cứu quốc gia, bao gồm: viện nghiên cứu thuộc các bộ, ngành; tổ chức nghiên cứu nằm trong các trường đại học; cơ sở nghiên cứu do doanh nghiệp hoặc tập đoàn công nghệ tư nhân vận hành. Điểm chung của các tổ chức này là thực hiện chức năng NC&PT, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ KH&CN quốc gia. Cách tiếp cận của Nhật Bản tương đồng với Hàn Quốc, khi cả hai quốc gia đều thiết lập một hệ thống tổ chức KH&CN phong phú, có sự tham gia từ cả khu vực Nhà nước và tư nhân, nhằm khai thác tối đa năng lực nghiên cứu cho mục tiêu phát triển đất nước.

Tại Trung Quốc, Luật Tiến bộ KH&CN năm 1993 (sửa đổi năm 2007, 2021) tuy không đưa ra một định nghĩa tổng quát về tổ chức KH&CN nhưng đã phân loại cụ thể các chủ thể được phép thành lập tổ chức NC&PT. Cụ thể gồm: (i) tổ chức NC&PT sử dụng ngân sách nhà nước; (ii) tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định pháp luật; (iii) tổ chức hoặc cá nhân ở nước ngoài có thể độc lập thành lập các tổ chức NC&PT trong lãnh thổ Trung Quốc theo luật pháp; (iv) tổ chức liên doanh trong và ngoài nước. Cách phân loại này thể hiện chiến lược mở rộng không gian pháp lý nhằm huy động đa dạng nguồn lực trong và ngoài nước cho hoạt động nghiên cứu, đồng thời vẫn đảm bảo sự kiểm soát theo khuôn khổ pháp luật quốc gia. Việc luật pháp công nhận doanh nghiệp và cá nhân là chủ thể hợp pháp trong thành lập tổ chức KH&CN đánh dấu sự chuyển biến đáng kể trong tư duy quản lý, từ chỗ đặt trọng tâm vào khu vực nhà nước, nay đã mở rộng sang khu vực tư nhân. Điều này phản ánh đúng thực tiễn phát triển tại Trung Quốc hiện nay, nơi mà doanh nghiệp đang nổi lên như lực lượng chủ đạo trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng đầu tư cho NC&PT của quốc gia.

Bảng 1. Quy định về khái niệm, phân loại tổ chức KH&CN của một số quốc gia

Tiêu chí so sánh	Nga	Hàn Quốc	Nhật Bản	Trung Quốc
Khái niệm tổ chức KH&CN	Tổ chức có chức năng chính là hoạt động khoa học hoặc khoa học kỹ thuật	Tổ chức thực hiện chương trình NC&PT của quốc gia	Không định nghĩa	Không định nghĩa
Phân loại tổ chức KH&CN	Không phân loại cụ thể, chỉ nhận diện chung gồm tổ chức nhà nước	Viện nghiên cứu do Chính phủ hoặc chính quyền địa	Không phân loại cụ thể, chỉ nhận diện chủ thể chính, gồm các	Phân loại cụ thể tổ chức KH&CN theo chủ thể thành lập: Nhà

	và tổ chức tư nhân	phương trực tiếp thành lập và điều hành; trường đại học; viện nghiên cứu do Chính phủ/chính quyền địa phương tài trợ; viện nghiên cứu đặc thù; công ty theo quy định tại Luật Thương mại; các thể chế và tổ chức khác	viện nghiên cứu trực thuộc các Bộ; các tổ chức KH&CN thuộc các trường đại học; các tổ chức KH&CN thuộc các công ty, tập đoàn công nghệ tư nhân	nước thành lập; công dân, pháp nhân, tổ chức khác thành lập; các tổ chức hoặc cá nhân ở nước ngoài độc lập thành lập trong lãnh thổ Trung Quốc; các tổ chức hoặc cá nhân ở nước ngoài và trong nước liên doanh, liên kết thành lập trong lãnh thổ Trung Quốc
--	--------------------	---	--	--

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Như vậy, mỗi quốc gia có cách tiếp cận và đưa ra khái niệm, phân loại khác nhau về tổ chức KH&CN. Điểm chung là đều ghi nhận chức năng chính của tổ chức KH&CN là thực hiện hoạt động NC&PT. Các khái niệm về tổ chức KH&CN trong luật của các nước cũng nhấn mạnh vai trò của tổ chức KH&CN là hạt nhân phát triển KH&CN, không chỉ là nơi thực hiện hoạt động NC&PT mà còn đóng vai trò kết nối giữa khu vực công và tư để thúc đẩy ĐMST.

2.1.2. Tổ chức đổi mới sáng tạo

Nhiều quốc gia trên thế giới có luật về ĐMST như Pháp (Luật ĐMST và Nghiên cứu năm 1999); Serbia (Luật ĐMST năm 2021), Philippines (Luật ĐMST năm 2018), Tây Ban Nha (Luật KH,CN&ĐMST năm 2011);... Tuy nhiên, trong văn bản luật của các nước này không có khái niệm về tổ chức ĐMST. Tại Serbia, Luật ĐMST năm 2021 phân loại các tổ chức/chủ thể thực hiện hoạt động ĐMST gồm: trung tâm thực hiện các hoạt động ĐMST (trung tâm phát triển - sản xuất, trung tâm NC&PT, trung tâm ĐMST, trung tâm chuyển giao công nghệ); doanh nghiệp khởi nghiệp; doanh nghiệp spin-off; và các chủ thể ĐMST khác. Việc nhiều quốc gia không đưa ra định nghĩa chung về tổ chức ĐMST xuất phát từ các lý do chung như do tính đa dạng về loại hình tổ chức ĐMST; đảm bảo quy định pháp luật có tính khả thi cao hơn, dễ điều chỉnh khi có sự phát triển và thay đổi của hệ sinh thái ĐMST; phù hợp với thực tiễn quản lý và hỗ trợ đối với từng nhóm tổ chức ĐMST; phù hợp với điều kiện KT-XH, định hướng ưu tiên của từng nước.

2.2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

2.2.1. Tổ chức khoa học và công nghệ

Văn bản luật về KH,CN&ĐMST của nhiều quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Pháp,... đều quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của tổ chức KH&CN, thể hiện qua các nội dung sau:

- *Tổ chức và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học:* Các tổ chức KH&CN được phép tổ chức hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn như hội thảo học thuật, hội nghị khoa học, tọa đàm nghiên cứu... trong phạm vi được pháp luật cho phép.

- *Tự chủ trong định hướng nghiên cứu:* Các tổ chức KH&CN được quyền chủ động lựa chọn định hướng nghiên cứu và xây dựng các đề tài, dự án phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia cũng như yêu cầu từ thực tiễn xã hội. Đồng thời, họ được trao quyền tự quyết trong việc quản lý tài chính, tổ chức bộ máy nội bộ và phân bổ nguồn lực phục vụ hoạt động của đơn vị.

- *Hợp tác với các tổ chức khác trong nước và quốc tế:* Các tổ chức KH&CN được quyền thiết lập quan hệ hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong nước cũng như đối tác quốc tế. Sự hợp tác này nhằm nâng cao năng lực NC&PT thông qua việc triển khai các chương trình phối hợp, thực hiện đề tài chung, cùng khai thác, chia sẻ nguồn lực, dữ liệu và kinh nghiệm chuyên môn.

- *Tiếp nhận tài trợ và đóng góp xã hội:* Ngoài các nguồn ngân sách nhà nước, các tổ chức KH&CN có quyền nhận các khoản đóng góp, tài trợ của xã hội (tổ chức phi Chính phủ, các quỹ nghiên cứu, các cá nhân) để hỗ trợ cho các hoạt động NC&PT. Điều này giúp tăng cường nguồn lực tài chính, nâng cao năng lực các tổ chức KH&CN.

- *Sở hữu và sử dụng tài sản:* Các tổ chức KH&CN được quyền sở hữu, sử dụng và xử lý tài sản theo quy định pháp luật hiện hành. Đối với các tổ chức công lập, trong trường hợp tài sản công không được sử dụng đến, họ có thể cho thuê nhưng phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra, các tổ chức KH&CN được phép sử dụng cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở hợp tác, đồng thời có thể thành lập doanh nghiệp nhằm triển khai kết quả nghiên cứu, đưa các thành tựu KH&CN vào ứng dụng thực tiễn và thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ.

Bên cạnh việc được trao quyền để thực hiện chức năng nghiên cứu, triển khai, chuyển giao công nghệ, các tổ chức KH&CN cũng phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý:

- *Tuân thủ pháp luật và đảm bảo đạo đức nghiên cứu:* Các tổ chức KH&CN có trách nhiệm triển khai hoạt động NC&PT trong phạm vi pháp luật, bảo đảm quá trình thực hiện minh bạch, chính xác và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Việc nghiên cứu cần được tiến hành theo các quy trình đã được chuẩn hóa nhằm bảo đảm tính khoa học, độ tin cậy và khả năng ứng dụng của kết quả đạt được.

- *Phát triển cơ sở vật chất và hợp tác chia sẻ nguồn lực:* Các tổ chức KH&CN có trách nhiệm bảo đảm việc duy trì, nâng cấp và phát triển hệ thống cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu như phòng thí nghiệm, trang thiết bị khoa học, cơ sở thực nghiệm và sản xuất thử. Bên cạnh đó, họ cần tích cực tham gia vào các cơ chế chia sẻ nguồn lực với các tổ chức khác nhằm thúc đẩy hợp tác, tối ưu hóa việc sử dụng trang thiết bị và tài nguyên nghiên cứu. Cách làm này không chỉ góp phần tiết kiệm chi phí mà còn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động nghiên cứu.

- *Quản lý tài sản công:* Bao gồm việc cho thuê tài sản công mà tổ chức không sử dụng, nhưng phải đảm bảo không vi phạm các quy định của Nhà nước.

- *Quản lý và bảo vệ nguồn nhân lực*: Các tổ chức KH&CN phải đảm bảo việc sử dụng và phát triển nguồn nhân lực KH&CN một cách hợp lý; lựa chọn nhân sự, trả lương và bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp; xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và khuyến khích sự sáng tạo trong đội ngũ nghiên cứu.

- *Thực hiện nghĩa vụ tài chính và thuế*: Các tổ chức KH&CN, đặc biệt là các đơn vị hoạt động phi lợi nhuận, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính và thuế theo quy định của pháp luật. Đồng thời, những tổ chức này có thể được Nhà nước áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế nhằm hỗ trợ cho các hoạt động NC&PT không mang tính thương mại, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của KH&CN.

- *Chịu trách nhiệm với sự phát triển bền vững và hợp tác quốc tế*: Các tổ chức KH&CN có nghĩa vụ duy trì và phát triển hệ thống nghiên cứu theo hướng bền vững, đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và tích cực tham gia vào các chương trình, hoạt động KH&CN toàn cầu, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các cam kết quốc tế mà quốc gia đã tham gia.

- *Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết*: Tổ chức KH&CN có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các cam kết và việc đạt được các mục tiêu đề ra của tổ chức với cơ quan quản lý.

Tóm lại, việc các quốc gia quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức KH&CN trong văn bản luật là yêu cầu tất yếu nhằm xác lập cơ sở pháp lý rõ ràng cho sự hình thành và vận hành của các tổ chức KH&CN. Tuy nhiên, phạm vi quyền và nghĩa vụ của tổ chức KH&CN ở mỗi quốc gia có sự khác biệt, tùy thuộc vào thể chế chính trị, trình độ phát triển KH&CN, mức độ tự chủ của khu vực nghiên cứu công và định hướng chiến lược quốc gia về KH,CN&ĐMST. Điều này phản ánh sự linh hoạt trong việc thiết kế chính sách phù hợp với đặc thù phát triển và yêu cầu quản lý của từng nước.

2.2.2. Tổ chức đổi mới sáng tạo

Trong bối cảnh các quốc gia ngày càng coi trọng vai trò trung tâm của tổ chức ĐMST đối với phát triển kinh tế dựa trên tri thức và công nghệ, việc thể chế hóa quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức ĐMST trong văn bản luật trở thành xu thế tất yếu. Nhiều quốc gia như Philippines (Luật ĐMST 2018), Serbia (Luật ĐMST 2021), Pháp (Luật ĐMST và Nghiên cứu 1999) và Tây Ban Nha (Luật KH,CN&ĐMST 2011),... đã xác lập vị trí pháp lý, đảm bảo tổ chức ĐMST được tiếp cận các quyền và thực hiện các nghĩa vụ pháp lý tương ứng. Theo luật về KH,CN&ĐMST của các nước, tổ chức ĐMST có các quyền chủ yếu sau:

- *Tiếp cận các cơ chế hỗ trợ tài chính và ưu đãi*: Trong bối cảnh thúc đẩy mô hình tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo, Philippines đã quy định các tổ chức đổi mới sáng tạo được hưởng quyền tiếp cận đầy đủ các chương trình hỗ trợ tài chính và chính sách ưu đãi từ Nhà nước. Tại Serbia, Quỹ Đổi mới được thành lập nhằm cung cấp nguồn tài chính cho hoạt động nghiên cứu phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, qua đó giảm thiểu rào cản về vốn đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp và các dự án ứng dụng công nghệ. Tây Ban Nha cũng bảo đảm quyền tiếp cận đầu tư công cho tổ chức đổi mới sáng tạo, đồng thời áp dụng các chính sách ưu đãi thuế

và hỗ trợ cơ sở hạ tầng. Đối với Pháp, trong bối cảnh cần đẩy mạnh khởi nghiệp công nghệ từ khối viện, trường, quốc gia này đã ban hành các chính sách tài chính ưu đãi để khuyến khích hình thành doanh nghiệp công nghệ, thúc đẩy liên kết giữa khu vực nghiên cứu và doanh nghiệp, cũng như hỗ trợ phát triển các công ty công nghệ khởi nguồn.

- *Tham gia hệ sinh thái ĐMST và được công nhận pháp lý*: Các tổ chức ĐMST được quyền tham gia vào hệ sinh thái ĐMST quốc gia thông qua các cơ chế công nhận chính thức. Serbia quy định các tổ chức ĐMST phải đăng ký trong Sổ đăng ký quốc gia để được hưởng quyền lợi. Philippines cho phép các tổ chức ĐMST là thành viên của các “Liên minh Đổi mới”, có tư cách pháp lý và là đầu mối triển khai hợp tác ba nhà: Nhà nước - doanh nghiệp - trường đại học/viện nghiên cứu. Cộng hòa Pháp cho phép các trường đại học, viện nghiên cứu thành lập vườn ươm doanh nghiệp cung cấp mặt bằng, trang thiết bị và vật liệu cho các công ty khởi nghiệp công nghệ nhằm khuyến khích mạnh mẽ việc hình thành doanh nghiệp công nghệ từ giới nghiên cứu và sinh viên, qua đó gắn kết chặt chẽ viện, trường với doanh nghiệp trong hệ sinh thái ĐMST.

- *Sử dụng và kết nối hạ tầng nghiên cứu*: Để thúc đẩy ĐMST, Tây Ban Nha quy định việc khuyến khích mở rộng quyền tiếp cận cơ sở hạ tầng dùng chung giữa các tổ chức KH&CN, tổ chức ĐMST, qua đó giảm chi phí và tăng hiệu quả hoạt động KH,CN&ĐMST. Tương tự, Pháp cũng cho phép các cơ sở nghiên cứu công được quyền cho các doanh nghiệp hoặc cá nhân bên ngoài sử dụng phòng thí nghiệm, trang thiết bị khoa học của mình trong một thời gian giới hạn, thông qua hợp đồng hợp tác. Quy định này tạo điều kiện để khu vực tư nhân tiếp cận hạ tầng nghiên cứu hiện đại của Nhà nước nhằm ươm tạo công nghệ mới, thương mại hóa quả nghiên cứu, thúc đẩy ĐMST, giúp tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực nghiên cứu công.

Song song với việc được bảo đảm các quyền lợi, tổ chức ĐMST còn phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững, hiệu quả và hài hòa với mục tiêu chung của quốc gia về KH,CN&ĐMST. Các nghĩa vụ chủ yếu gồm:

- *Tuân thủ chiến lược, chính sách quốc gia*: Tại Philippines, để đảm bảo các nỗ lực ĐMST phục vụ phát triển KT-XH, tránh lãng phí nguồn lực, tập trung cho các ưu tiên, đã quy định các tổ chức ĐMST phải gắn kết hoạt động của mình với Chiến lược Đổi mới Quốc gia. Tại Serbia, tổ chức ĐMST phải tuân thủ các quy định về quản lý tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn kỹ thuật và trách nhiệm công bố thông tin một cách minh bạch. Pháp cho phép giới khoa học công lập tham gia kinh doanh nhưng yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc nền tảng của dịch vụ công, xuất phát từ truyền thống coi trọng tính liêm chính trong khu vực công ở Pháp, đảm bảo cân bằng giữa thúc đẩy ĐMST với duy trì kỷ cương.

- *Báo cáo và minh bạch hoạt động*: Serbia quy định tổ chức ĐMST định kỳ báo cáo hoạt động (nguồn tài trợ, kết quả đạt được, tác động đến đổi mới công nghệ và xã hội) cho Bộ Khoa học, Phát triển Công nghệ và ĐMST hoặc các cơ quan liên quan. Philippines cũng có quy định tương tự, đặc biệt trong các chương trình do Nhà nước tài trợ. Đối với Pháp, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình được Luật ĐMST và Nghiên cứu 1999 rất coi trọng khi cho phép nhà khoa học công lập tham gia doanh

ngiệp nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc nền tảng của dịch vụ công. Quy định về nghĩa vụ này đối với tổ chức ĐMST ở các nước đảm bảo rằng hoạt động của tổ chức ĐMST luôn minh bạch, rõ ràng, công khai.

- *Góp phần phát triển hệ sinh thái và đào tạo nguồn nhân lực*: Một nghĩa vụ phổ biến của tổ chức ĐMST là tham gia xây dựng hệ sinh thái ĐMST quốc gia, thông qua việc hợp tác với trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp. Philippines quy định tổ chức ĐMST tham gia các chương trình đào tạo nhân lực và nâng cao kỹ năng số. Tây Ban Nha chú trọng quy định về nghĩa vụ phổ biến văn hóa ĐMST trong cộng đồng.

Bảng 2. Quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức ĐMST ở một số quốc gia

Tiêu chí so sánh	Philippines	Serbia	Pháp	Tây Ban Nha
Quyền của tổ chức ĐMST				
Tiếp cận tài chính, ưu đãi	Được tài trợ từ Hội đồng Đối mới quốc gia và các chương trình ưu đãi quốc gia	Hưởng hỗ trợ từ Quỹ Đối mới quốc gia	Hưởng ưu đãi tài chính, hỗ trợ vườn ươm khởi nghiệp	Hưởng ưu đãi thuế và đầu tư công cho ĐMST
Công nhận pháp lý và tham gia hệ sinh thái	Được công nhận và tham gia Liên minh Đối mới (Innovation Clusters)	Phải đăng ký trong Sổ đăng ký quốc gia để được công nhận	Trường, viện có quyền lập vườn ươm trong khuôn viên	Không quy định
Sử dụng hạ tầng	Không quy định	Không quy định	Cho phép doanh nghiệp thuê thiết bị nghiên cứu công	Khuyến khích tổ chức KH&CN, tổ chức ĐMST sử dụng hạ tầng dùng chung
Nghĩa vụ của tổ chức ĐMST				
Tuân thủ chiến lược, và chính sách quốc gia	Gắn kết hoạt động với Chiến lược ĐMST Quốc gia	Tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn kỹ thuật	Tuân thủ nguyên tắc dịch vụ công và đạo đức công vụ	Không quy định
Báo cáo và minh bạch hoạt động	Báo cáo định kỳ về các hoạt động nếu nhận tài trợ	Báo cáo định kỳ cho cơ quan quản lý	Không quy định	Không quy định
Góp phần phát triển hệ sinh thái và đào tạo nhân lực	Tham gia chương trình đào tạo kỹ năng số	Không quy định	Không quy định	Phát triển văn hóa ĐMST ra cộng đồng

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Qua phân tích, có thể thấy các quốc gia rất quan tâm đến việc thể chế hóa các quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức KH, CN & ĐMST trong văn bản luật, coi đây là nền tảng để thúc đẩy vai trò trung tâm của các tổ chức này trong hệ sinh thái ĐMST. Bên cạnh những quy định tương đồng, một số quốc gia có những quy định đặc thù, phản ánh sự đa dạng trong cách tiếp cận và quản trị tổ chức KH, CN & ĐMST giữa các quốc gia.

2.3. Các chính sách chủ yếu đối với tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

2.3.1. Tổ chức khoa học và công nghệ

- *Quy hoạch hệ thống tổ chức KH&CN*: Pháp luật hiện hành tại nhiều quốc gia đều quy định các tổ chức KH&CN được thành lập bằng ngân sách công phải gắn với sứ mệnh phục vụ lợi ích công và chiến lược quốc gia về KH&CN. Điển hình như Trung Quốc quy định các tổ chức KH&CN phải tuân thủ định hướng nghiên cứu công ích, đồng thời đóng vai trò là thiết chế phổ biến tri thức, kết nối với xã hội thông qua việc mở rộng hạ tầng và hoạt động phổ biến KH&CN. Chính phủ Trung Quốc coi việc định hướng các tổ chức KH&CN theo chiến lược quốc gia là cần thiết để tập trung nguồn lực vào các ưu tiên phát triển và phục vụ lợi ích chung.

- *Tự chủ của tổ chức KH&CN*: Theo Luật về tổ chức hành chính độc lập 1999 (sửa đổi 2014) của Nhật Bản, các viện nghiên cứu quốc gia hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính và học thuật, nhưng chịu sự giám sát chiến lược của Bộ chủ quản và đánh giá hiệu suất bởi Hội đồng Chính sách KH, CN & ĐMST quốc gia. Mô hình này cho phép cân bằng giữa tự do học thuật và sự thống nhất mục tiêu quốc gia, đặc biệt với các viện nghiên cứu được chỉ định có vai trò dẫn dắt công nghệ lõi. Nhật Bản lựa chọn mô hình tự chủ có giám sát chặt chẽ xuất phát từ bối cảnh cải tổ hành chính cuối thập niên 1990 và văn hóa quản trị tập trung, đề cao kỷ luật và định hướng từ trung ương, các đơn vị nghiên cứu tự do sáng tạo trong khuôn khổ mục tiêu chung.

- *Đầu tư, tài chính*: Trung Quốc quy định ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho các tổ chức KH&CN công lập; quy hoạch tổng thể hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, bảo đảm đầu tư ổn định cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu vì lợi ích công và an ninh quốc gia. Việc Trung Quốc duy trì ngân sách công dồi dào và ổn định cho các tổ chức KH&CN công lập phản ánh quan điểm coi KH&CN là động lực then chốt cho phát triển KT-XH; tập trung nguồn lực cho các mục tiêu chiến lược dài hạn. Trong khi đó, Hàn Quốc quy định triển khai cơ chế quỹ nghiên cứu được phân bổ dựa trên đánh giá hiệu quả đầu ra, nhằm điều phối đầu tư và tăng cường trách nhiệm giải trình. Quy định này của Hàn Quốc đưa ra trong bối cảnh phải đối mặt với áp lực sử dụng hiệu quả nguồn lực NC&PT để duy trì đà tăng trưởng, vừa tránh được lãng phí nguồn lực, vừa tạo động lực cạnh tranh giữa các tổ chức NC&PT.

- *Phát triển nguồn nhân lực KH&CN*: Ở Pháp, trong bối cảnh thực hiện chiến lược thúc đẩy phát triển doanh nghiệp KH&CN, tăng cường chuyển giao công nghệ và thu hút nhân tài khoa học tham gia ĐMST trong nước, đã cho phép nhà khoa học khởi nghiệp, giữ quyền đối với kết quả nghiên cứu và được luân chuyển giữa viện nghiên cứu, đại học và doanh nghiệp. Trung Quốc quy định khuyến khích hình thành trạm nghiên cứu sau tiến sĩ tại các tổ chức KH&CN để thu hút và đào tạo các tiến sĩ trẻ, tạo nguồn bổ sung cho các lĩnh vực mũi nhọn. Đồng thời quy định cắt giảm thủ tục hành chính để giải phóng thời gian và sức sáng tạo cho nhà khoa học. Những điều chỉnh này diễn ra trong bối cảnh Trung Quốc chuyển đổi mạnh mẽ sang nền kinh tế dựa trên ĐMST, do vậy cần môi trường thuận lợi hơn để nuôi dưỡng các hạt nhân ĐMST.

- *Thương mại hóa kết quả nghiên cứu và quản trị sở hữu trí tuệ (SHTT)*: Hàn Quốc quy định việc trao quyền khai thác tài sản trí tuệ cho tổ chức KH&CN công lập, đồng thời tạo cơ chế chuyển giao công nghệ thông qua các văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO) và hợp đồng nhượng quyền. Quy định này phù hợp với văn hóa đổi mới của Hàn Quốc vốn chú trọng ứng dụng thực tiễn nhanh chóng các thành tựu KH&CN để phục vụ tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu công nghệ. Pháp cho phép tổ chức nghiên cứu ký kết hợp tác với doanh nghiệp tư nhân hoặc nước ngoài để thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tạo điều kiện tích hợp khoa học vào chuỗi giá trị kinh tế. Quy định này của Pháp xuất phát từ nhu cầu cải thiện hiệu suất đổi mới của nền kinh tế và đánh dấu sự thay đổi trong văn hóa pháp lý của Pháp, khi tài sản trí tuệ từ nghiên cứu công được coi trọng như một nguồn lực kinh tế cần khai thác.

- *Đánh giá và xếp hạng tổ chức KH&CN*: Trung Quốc quy định các tổ chức KH&CN công lập phải xây dựng mô hình quản trị nội bộ với trách nhiệm rõ ràng, có hội đồng khoa học, cơ chế tuyển dụng cạnh tranh và được giám sát định kỳ bởi hệ thống đánh giá độc lập. Đây là mô hình vừa khuyến khích tổ chức nâng cao năng lực nội tại, vừa là công cụ sàng lọc tổ chức yếu kém, phù hợp trong bối cảnh Trung Quốc đòi hỏi các tổ chức KH&CN phải tối ưu hóa nguồn lực và đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển quốc gia. Hoa Kỳ áp dụng cơ chế tự đánh giá gắn với trách nhiệm ngân sách. Theo Đạo luật về Kết quả và Hiệu suất của Chính phủ 1993 (sửa đổi 2010) của Hoa Kỳ, các tổ chức công, gồm tổ chức KH&CN, phải xây dựng kế hoạch chiến lược 4-5 năm, xác định mục tiêu chính sách, báo cáo kết quả thực hiện hằng năm và chứng minh hiệu quả sử dụng nguồn lực. Đây là mô hình “đánh giá dựa trên bằng chứng”, giúp liên kết chặt chẽ giữa đầu tư công và kết quả thực chất trong KH&CN. Mô hình đánh giá này của Hoa Kỳ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Chính phủ chịu áp lực phải nâng cao trách nhiệm giải trình đối với người nộp thuế, từ đó phân bổ ngân sách hợp lý.

Bảng 3. Quy định về chính sách chủ yếu phát triển tổ chức KH&CN ở một số quốc gia

Chính sách	Trung Quốc	Nhật Bản	Hàn Quốc	Pháp	Hoa Kỳ
Quy hoạch	Hệ thống tổ chức KH&CN công lập phải phục vụ lợi ích công, phổ biến tri thức	Không quy định	Hệ thống tổ chức KH&CN gắn với chương trình NC&PT quốc gia	Hệ thống tổ chức công lập phục vụ lợi ích công, hỗ trợ phổ biến KH&CN	Mỗi tổ chức phải có chiến lược phù hợp với mục tiêu quốc gia
Tự chủ	Có quyền tự chủ nhất định, chịu sự giám sát từ hệ thống đánh giá nội bộ	Tự chủ tài chính và học thuật, chịu sự giám sát của Hội đồng chính sách KH,CN &ĐMST quốc gia	Có quyền tự chủ cao, chịu trách nhiệm với Nhà nước	Quyền tự chủ học thuật	Tự chủ cao, giám sát qua trách nhiệm ngân sách và hiệu quả đầu ra

Đầu tư, tài chính	Ngân sách công đầu tư lớn, ưu tiên nghiên cứu cơ bản và an ninh quốc gia	Nhà nước đầu tư ổn định theo kế hoạch trung hạn	Phân bổ theo kết quả, tăng trách nhiệm giải trình	Nhà nước đầu tư cho các viện nghiên cứu công lập	Ngân sách gắn với kế hoạch chiến lược và kết quả thực tế
Phát triển nhân lực KH&CN	Khuyến khích trạm sau tiến sĩ, cắt giảm thủ tục hành chính	Quy định về chính sách luân chuyển nhân lực	Quy định về chính sách hỗ trợ tài năng	Cho phép nhà khoa học khởi nghiệp, giữ quyền sáng chế	Quy định chính sách đào tạo, thu hút nhân tài
Thương mại hóa kết quả nghiên cứu và quản trị SHTT	Cho phép tổ chức giữ quyền SHTT, thúc đẩy chuyển giao công nghệ	Cho phép hợp tác và thương mại hóa, xây dựng hệ sinh thái ĐMST	Khuyến khích thúc đẩy TTO và chuyển giao công nghệ	Đẩy mạnh khai thác SHTT, hợp tác với doanh nghiệp tư nhân và nước ngoài	Tổ chức có quyền khai thác SHTT
Đánh giá và xếp hạng	Đánh giá hiệu quả đầu ra, có hội đồng khoa học, cơ chế cạnh tranh	Đánh giá hiệu suất gắn với mục tiêu chiến lược quốc gia	Đánh giá hiệu quả đầu ra	Không quy định	Đánh giá dựa trên bằng chứng, báo cáo thường niên

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

2.3.2. Tổ chức đổi mới sáng tạo

Trong văn bản luật của các quốc gia đã quy định những cơ chế, chính sách cơ bản/chủ yếu nhằm hỗ trợ, thúc đẩy và điều tiết hoạt động của các tổ chức ĐMST. Các chính sách này tạo điều kiện thuận lợi về nguồn lực, SHTT, định hình môi trường pháp lý và cơ chế vận hành nhằm bảo đảm vai trò trung tâm của tổ chức ĐMST trong hệ sinh thái ĐMST.

- *Tài chính và tín dụng ưu đãi*: Philippines quy định thành lập Quỹ Đổi mới để hỗ trợ các tổ chức phát triển sản phẩm, quy trình, dịch vụ đổi mới; đồng thời yêu cầu các ngân hàng thương mại phân bổ tối thiểu 4% quỹ tín dụng cho các hoạt động hỗ trợ ĐMST. Quy định này thể hiện nỗ lực của Philippines nhằm lấp khoảng trống tài chính cho các start-up và tổ chức ĐMST trong bối cảnh hệ thống ngân hàng thương mại chưa thực sự quan tâm đến các hoạt động có rủi ro cao như ĐMST. Ở Serbia cũng quy định thành lập Quỹ Hoạt động Đổi mới để hỗ trợ các tổ chức thực hiện nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ; quỹ còn có chức năng hợp tác với các tổ chức quốc tế để huy động thêm nguồn vốn. Quy định của Serbia đặt ra trong bối cảnh nước này đẩy mạnh hội nhập châu Âu và khuyến khích phát triển công nghệ cao, thiết lập Quỹ Đổi mới như một công cụ để đẩy mạnh năng lực nội sinh, đồng thời thu hút tài trợ quốc tế. Đối với Pháp, quy định cơ chế quỹ đầu tư chung cho ĐMST để đầu tư vốn vào doanh nghiệp ĐMST, phản ánh cách tiếp cận cân bằng giữa Nhà nước và thị trường trong tài trợ ĐMST.

- *Phát triển hệ sinh thái và liên kết vùng*: Philippines quy định xây dựng Chiến lược đổi mới quốc gia, trong đó đặc biệt nhấn mạnh phát triển liên minh đổi mới vùng,

các trung tâm đổi mới liên ngành và vườn ươm doanh nghiệp; chính quyền địa phương được giao trách nhiệm xây dựng kế hoạch ĐMST phù hợp với đặc điểm địa phương và phối hợp với các tổ chức ĐMST trong vùng. Serbia quy định khuyến khích thiết lập các trung tâm công nghệ khu vực, kết nối trường đại học, viện nghiên cứu với doanh nghiệp, đồng thời xác định tổ chức ĐMST là thành tố chủ chốt của hệ sinh thái đổi mới vùng. Pháp cho phép các đại học và viện nghiên cứu công lập thành lập vườn ươm doanh nghiệp (incubator) để cung cấp mặt bằng, thiết bị, vật tư cho cá nhân khởi nghiệp hoặc các công ty công nghệ non trẻ. Những chính sách này góp phần gắn kết chặt chẽ các viện, trường với doanh nghiệp, hình thành mạng lưới ĐMST liên vùng bền vững.

- *SHTT và chuyển giao công nghệ*: Serbia với đặc thù của một nền kinh tế chuyển đổi, nơi Nhà nước vẫn giữ vai trò điều tiết chặt chẽ và chịu trách nhiệm đối với tài sản tạo ra từ nguồn lực công, vì vậy đã quy định nếu sản phẩm nghiên cứu tạo ra từ nguồn tài trợ công thì quyền SHTT thuộc về Nhà nước; tổ chức ĐMST được quyền sử dụng và khai thác kết quả đó. Philippines giao Cơ quan SHTT quốc gia nhiệm vụ hỗ trợ các tổ chức ĐMST trong việc đăng ký, bảo vệ và thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu. Tại Pháp, Luật ĐMST và Nghiên cứu 1999 trao quyền chủ động cho các cơ sở nghiên cứu công lập trong việc thương mại hóa tài sản trí tuệ của mình, tạo hành lang cho nhà khoa học và doanh nghiệp tư nhân tiếp cận, ứng dụng sáng chế một cách hợp pháp và thuận tiện.

- *Phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy văn hóa ĐMST*: Philippines quy định phát triển giáo dục STEM, kỹ năng số và khuyến khích hợp tác giữa trường đại học với tổ chức ĐMST để xây dựng chương trình đào tạo ĐMST thực tiễn. Tây Ban Nha quy định các tổ chức nghiên cứu, đổi mới có trách nhiệm phổ biến tri thức KH&CN ra cộng đồng, đặc biệt cho thanh thiếu niên, qua đó tạo nền tảng văn hóa ĐMST và nâng cao tinh thần công dân khoa học. Pháp quy định tập trung thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong giới nghiên cứu và sinh viên; cho phép các nhà nghiên cứu, giảng viên, kỹ sư và cả những tiến sĩ trẻ mới tốt nghiệp được tham gia thành lập công ty nhằm khai thác thương mại các kết quả nghiên cứu.

- *Hợp tác quốc tế và huy động nguồn lực toàn cầu*: Tây Ban Nha quy định chính sách khuyến khích các tổ chức ĐMST hợp tác với đối tác quốc tế; Nhà nước hỗ trợ về thủ tục, pháp lý và tài chính trong quá trình hợp tác. Pháp quy định cho phép các cơ sở nghiên cứu ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ KH&CN cho tổ chức nước ngoài và được quyền sử dụng trọng tài quốc tế để giải quyết tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng hợp tác với đối tác nước ngoài.

Bảng 4. So sánh quy định về chính sách chủ yếu phát triển tổ chức ĐMST ở một số quốc gia

Chính sách	Philippines	Serbia	Pháp	Tây Ban Nha
Tài chính và tín dụng ưu đãi	Quỹ Đổi mới + yêu cầu ngân hàng dành 4% tín dụng cho ĐMST	Quỹ Hoạt động Đổi mới + huy động vốn qua hợp tác quốc tế	Quỹ đầu tư chung hỗ trợ doanh nghiệp ĐMST	Đầu tư công, ưu đãi thuế cho tổ chức ĐMST
Phát triển hệ sinh thái và	Chiến lược quốc gia, liên minh đổi	Trung tâm công nghệ vùng, kết nối viện,	Vườn ươm tại viện, trường đại	Phát triển hệ sinh thái địa

liên kết vùng	mới vùng, tổ chức ĐMST vùng	trường và doanh nghiệp trong vùng	học, hỗ trợ thiết bị cho startup	phương, trung tâm nghiên cứu vùng
SHTT và chuyển giao công nghệ	Hỗ trợ SMEs đăng ký và thương mại hóa tài sản trí tuệ	SHTT thuộc Nhà nước nếu tài trợ công; tổ chức ĐMST được sử dụng và khai thác kết quả nghiên cứu công	Trường, viện công lập chủ động thương mại hóa tài sản trí tuệ	Mở rộng quyền tiếp cận hạ tầng nghiên cứu dùng chung
Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa ĐMST	Đào tạo STEM, hợp tác đại học - tổ chức ĐMST	Đào tạo gắn với ứng dụng, hỗ trợ nhân lực trẻ	Khuyến khích giảng viên, nhà nghiên cứu khởi nghiệp	Phổ biến văn hóa ĐMST ra cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ
Hợp tác quốc tế và huy động nguồn lực	Hợp tác quốc tế được khuyến khích, có hỗ trợ thủ tục	Khuyến khích hợp tác quốc tế để thu hút vốn và công nghệ	Được ký hợp đồng quốc tế, dùng trọng tài quốc tế	Tham gia các chương trình EU, được hỗ trợ pháp lý

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Qua nghiên cứu văn bản luật về KH,CN&ĐMST của một số quốc gia, có thể thấy các nước đều xác lập hệ thống chính sách toàn diện nhằm hỗ trợ và phát triển tổ chức KH,CN&ĐMST. Điểm tương đồng nổi bật là hầu hết quốc gia đều ban hành các chính sách về quy hoạch hệ thống tổ chức KH&CN gắn với chiến lược quốc gia, mở rộng quyền tự chủ gắn với cơ chế đánh giá hiệu quả, bảo đảm đầu tư tài chính ổn định từ ngân sách nhà nước và khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, chính sách phát triển nhân lực, liên kết viện - trường - doanh nghiệp và hội nhập quốc tế cũng được luật hóa để tăng tính liên thông và hiệu quả của hệ sinh thái ĐMST. Tuy nhiên, mỗi quốc gia lại có những quy định đặc thù riêng, như Nhật Bản áp dụng mô hình tự chủ có giám sát chiến lược đối với các viện nghiên cứu quốc gia; Trung Quốc chú trọng quy hoạch hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm và quản lý theo mô hình hiệu suất; Pháp đẩy mạnh chính sách khởi nghiệp trong đội ngũ nghiên cứu công lập, trong khi Philippines và Serbia thiết lập các quỹ đổi mới để hỗ trợ tài chính cho tổ chức ĐMST. Những đặc thù này phản ánh sự linh hoạt trong thiết kế chính sách phù hợp với thể chế và ưu tiên phát triển của từng quốc gia.

3. Kinh nghiệm từ nghiên cứu việc thể chế hóa các quy định về tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong văn bản luật ở một số quốc gia

Thực tiễn quốc tế cho thấy, tổ chức KH,CN&ĐMST đóng vai trò then chốt trong hệ sinh thái ĐMST và các nội dung liên quan đến tổ chức KH,CN&ĐMST thường được quy định trong các văn bản luật về KH,CN&ĐMST. Nhìn chung, ở các quốc gia có nền KH,CN&ĐMST phát triển đều có hệ thống tổ chức KH,CN&ĐMST được quy định rõ ràng, chặt chẽ nhằm thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST. Dưới đây là một số kinh nghiệm điển hình mà nhiều quốc gia đã áp dụng, Việt Nam có thể nghiên cứu, tham khảo trong hoàn thiện thể chế về tổ chức KH,CN&ĐMST:

Thứ nhất, về cách tiếp cận trong xây dựng luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhiều quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc và Pháp áp dụng mô hình luật khung, trong đó chỉ quy định các nguyên tắc cơ bản và định hướng chính sách, còn các nội dung cụ thể được thiết kế và triển khai thông qua các đạo luật chuyên ngành. Điều này là phù hợp với thực tiễn Việt Nam khi cần tách bạch giữa luật định hướng (luật khung) và các đạo luật chuyên ngành để dễ sửa đổi, thích ứng nhanh. Luật sẽ quy định nguyên tắc, khái niệm nền tảng, quyền và nghĩa vụ cũng như những chính sách chủ yếu của tổ chức KH,CN&ĐMST, đồng thời ban hành các luật chuyên ngành để điều chỉnh cụ thể từng nhóm chính sách riêng biệt.

Thứ hai, xác định rõ nội hàm và phân loại tổ chức KH&CN, tổ chức ĐMST

Việc định nghĩa rõ ràng phạm vi và loại hình tổ chức KH&CN và tổ chức ĐMST trong văn bản luật là một trong những yếu tố then chốt để thiết kế chính sách hiệu quả. Các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp hay Serbia không chỉ thừa nhận các tổ chức công lập mà còn mở rộng định nghĩa để bao gồm các doanh nghiệp, viện tư nhân, tổ chức phi lợi nhuận có hoạt động KH,CN&ĐMST. Nhật Bản quy định cụ thể các viện quốc gia, trung tâm thuộc đại học, viện nghiên cứu độc lập hoặc thuộc doanh nghiệp đều là tổ chức KH&CN. Serbia và Philippines lại tiếp cận theo hướng định danh tổ chức ĐMST thông qua vai trò trong hệ sinh thái ĐMST, thay vì định nghĩa pháp lý cứng. Việt Nam có thể tham khảo để xây dựng khái niệm mở về tổ chức KH&CN và tổ chức ĐMST trong Luật KH,CN&ĐMST, phù hợp với thực tiễn kết hợp công, tư và thúc đẩy tính linh hoạt trong tổ chức và hoạt động.

Thứ ba, thiết lập cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình

Nhiều quốc gia đã thể chế hóa cơ chế tự chủ mạnh mẽ cho tổ chức KH&CN, đặc biệt trong việc quyết định nhiệm vụ nghiên cứu, tổ chức bộ máy, tài chính và hợp tác trong và ngoài nước. Tuy nhiên, quyền tự chủ này luôn gắn liền với nghĩa vụ báo cáo định kỳ, đánh giá hiệu quả và minh bạch tài chính. Nhật Bản cho phép các viện nghiên cứu hoạt động tự chủ về tổ chức và ngân sách, nhưng phải đáp ứng các mục tiêu trung - dài hạn và chịu giám sát từ Hội đồng Chính sách KH,CN&ĐMST quốc gia. Trung Quốc quy định tổ chức KH&CN công lập có hệ thống quản trị hiện đại, đánh giá định kỳ và chấp nhận giám sát xã hội. Hoa Kỳ quy định các tổ chức công phải xây dựng kế hoạch chiến lược và báo cáo kết quả hoạt động. Việt Nam tham khảo trong việc luật hóa quyền tự chủ sâu rộng hơn cho các tổ chức KH&CN, nhưng đồng thời xây dựng khung đánh giá định kỳ, bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả đầu tư công đối với các tổ chức KH&CN.

Thứ tư, luật hóa cơ chế tài chính và các quỹ hỗ trợ tổ chức KH&CN, tổ chức ĐMST

Bảo đảm nguồn lực tài chính ổn định là điều kiện tiên quyết để tổ chức KH&CN và tổ chức ĐMST phát triển bền vững. Các nước như Trung Quốc xác định ngân sách nhà nước là nguồn lực then chốt đảm bảo phát triển bền vững cho các tổ chức nghiên cứu cơ bản, phòng thí nghiệm trọng điểm. Serbia và Philippines đều thành lập các Quỹ đổi mới để tài trợ cho hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm và chuyển giao công nghệ. Pháp phát triển các cơ chế quỹ đầu tư vào doanh nghiệp ĐMST.

Thứ năm, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu thông qua khuôn khổ pháp lý

Luật của các nước đều nhấn mạnh vai trò của thương mại hóa kết quả nghiên cứu như một chức năng chính của tổ chức KH&CN, tổ chức ĐMST. Pháp, Hàn Quốc cho phép tổ chức KH&CN công lập giữ quyền sở hữu hoặc khai thác tài sản trí tuệ do mình tạo ra, và khuyến khích ký kết hợp đồng hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các mô hình như văn phòng chuyên giao công nghệ (TTO), trung tâm vườn ươm, cơ chế chia sẻ lợi ích với nhà nghiên cứu đều được luật hóa. Serbia và Philippines cũng quy định rõ nghĩa vụ hỗ trợ tổ chức ĐMST trong thương mại hóa sáng chế và chuyên giao công nghệ. Việt Nam nghiên cứu, tham khảo để thể chế hoá quy định về quyền sở hữu, khai thác tài sản trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu do tổ chức KH&CN thực hiện bằng ngân sách nhà nước; đồng thời thể chế hoá mô hình tổ chức chuyên giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp và cơ chế hợp tác viện, trường và doanh nghiệp.

Thứ sáu, gắn tổ chức KH&CN và tổ chức ĐMST với quy hoạch mạng lưới, phân cấp và hợp tác quốc tế

Ở các nước phát triển, tổ chức KH&CN công lập được quy hoạch theo định hướng chiến lược quốc gia, có sự phân cấp rõ ràng nhưng vẫn được điều phối thống nhất. Trung Quốc quy định các tổ chức KH&CN công phải phục vụ chiến lược quốc gia, được đánh giá và sắp xếp lại dựa trên hiệu quả hoạt động. Nhật Bản phân cấp mạnh nhưng vẫn đánh giá định kỳ bởi cơ quan Trung ương (CSTI). Các luật cũng khuyến khích hợp tác quốc tế, cho phép tổ chức KH&CN trong nước hợp tác, liên kết, thậm chí thành lập tổ chức liên doanh với các đối tác nước ngoài. Việt Nam tham khảo kinh nghiệm này để thể chế hoá quy định về hệ thống đánh giá định kỳ, đồng thời mở rộng hành lang pháp lý cho hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và ĐMST.

Thứ bảy, khuyến khích dịch chuyển nhân lực KH,CN&ĐMST giữa khu vực công và tư

Một trong những yếu tố then chốt của tổ chức KH&CN và tổ chức ĐMST là nguồn nhân lực. Các nước đã luật hóa quyền lợi, cơ chế khởi nghiệp và luân chuyển nhân lực KH,CN&ĐMST nhằm phát huy tối đa năng lực sáng tạo. Pháp cho phép nhà nghiên cứu trong tổ chức KH&CN công lập thành lập doanh nghiệp, khai thác tài sản trí tuệ và luân chuyển giữa viện nghiên cứu - doanh nghiệp - đại học. Philippines yêu cầu các tổ chức ĐMST tham gia đào tạo và phổ biến kỹ năng công nghệ. Việt Nam có thể tham khảo để khuyến khích luân chuyển nhân lực giữa khu vực công và tư, thúc đẩy các tổ chức KH,CN&ĐMST tham gia đào tạo, truyền bá tri thức KH,CN&ĐMST đến cộng đồng.

4. Kết luận

Việc hoàn thiện khung pháp lý đối với tổ chức KH,CN&ĐMST là bước đi then chốt để phát triển hệ sinh thái ĐMST tại Việt Nam. Qua phân tích kinh nghiệm quốc tế cho thấy tầm quan trọng của cách tiếp cận luật khung, phân loại linh hoạt tổ chức KH&CN và tổ chức ĐMST, trao quyền tự chủ gắn với trách nhiệm và minh bạch hóa đánh giá,.. Những gợi mở này góp phần định hướng quá trình hoàn thiện thể

chế về KH,CN&ĐMST nói chung, về tổ chức KH,CN&ĐMST nói riêng ở Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức KH,CN&ĐMST trong đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội Trung Quốc. Luật Tiến bộ KH&CN 1993, sửa đổi 2007, 2021; Luật Phổ biến KH&CN 2002.
2. Quốc hội Hàn Quốc. Luật Khung về KH&CN 2001; Luật Đổi mới NC&PT quốc gia 2020, sửa đổi 2023; Đạo luật về đối xử danh dự và hỗ trợ cho những người đóng góp xuất sắc cho KH&CN 2015; Luật về các viện nghiên cứu do Chính phủ tài trợ 2004; Luật Thúc đẩy đổi mới công nghệ công nghiệp 2006; Luật Đánh giá thực hiện và quản lý chương trình NC&PT quốc gia 2005, sửa đổi 2021.
3. Quốc hội Nhật Bản. Luật cơ bản về KH&CN 1995; Luật về cơ quan NC&PT quốc gia 2022; Luật chung về tổ chức hành chính độc lập 1999, sửa đổi 2014.
4. Quốc hội Cộng hòa Pháp. Luật Nghiên cứu KH&CN 2004; Luật ĐMST và Nghiên cứu 1999; Luật chương trình nghiên cứu 2006.
5. Quốc hội Philippines. Luật ĐMST 2018; Luật Cộng hòa số 8439.
6. Quốc hội Serbia. Luật ĐMST 2021; Luật Khoa học và Nghiên cứu 2019.
7. Quốc hội Tây Ban Nha. Luật KH,CN&ĐMST 2011.
8. Quốc hội Hoa Kỳ. Đạo luật về kết quả và hiệu suất của Chính phủ 1993, sửa đổi 2010; Luật Đổi mới và cạnh tranh 2021; Đạo luật Bayh-Dole 1980.
9. Nghị viện Liên bang Nga. Luật Liên bang số 111-FZ 1998; Luật Liên bang số 83-FZ 2010; Luật Liên bang số 22-FZ 2011; Luật Liên bang số 185-FZ 2013; Luật Liên bang số 399-FZ 2020; Luật Liên bang số 270-FZ 2015; Luật Liên bang số 159-FZ 2020.
10. Bộ KH&CN Việt Nam (2024). Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về Luật KH&CN. Hà Nội, 2024.
11. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013). Lý luận nhà nước và pháp luật. NXB Công an nhân dân, 2013.
12. Hans Kelsen (1945). General Theory of Law and State. Harvard University Press.
13. OECD (2025). *OECD Regulatory Policy Outlook 2025*
14. World Bank (2017). *World Development Report 2017. Governance and the Law*
15. World Bank (2025). Global Program on Justice and Rule of Law.